

NỘI QUY

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

PHẦN MỞ ĐẦU

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ngày 24 tháng 10 năm 1989 theo Quyết định số 634/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh là tổ chức xã hội – nghề nghiệp của luật sư, có chức năng đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, thực hiện chế độ tự quản theo quy định của Luật Luật sư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ, quyền hạn, được tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Nội quy này.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này điều chỉnh quan hệ nội bộ, quy định chi tiết những vấn đề thuộc nội bộ Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Những nội dung về tổ chức và hoạt động của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh không được quy định tại Nội quy này thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nội quy này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đại hội luật sư* là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn Luật sư được tổ chức theo hình thức Đại hội đại biểu theo quy định của Điều lệ Liên đoàn và Điều 11 của Nội quy này.

2. *Điều lệ* là Điều lệ Liên đoàn Luật sư Việt Nam được Đại hội đại biểu luật sư toàn quốc lần thứ II thông qua tại phiên họp ngày 19 tháng 4 năm 2015, được Bộ Tư pháp phê duyệt và có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2015.

3. *Đoàn Luật sư* là từ viết tắt của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Đơn vị chuyên môn, trực thuộc* bao gồm Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư được thành lập và hoạt động quy định tại Mục 4 Chương III của Nội quy này.

5. *HĐKTKL* là từ viết tắt của Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật.

6. *Hội nghị luật sư* là Hội nghị luật sư hàng năm của Đoàn Luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị đại biểu theo quy định của Điều lệ và Điều 12 của Nội quy này.

7. *Liên đoàn* là từ viết tắt của Liên đoàn Luật sư Việt Nam.

8. *Luật Luật sư* là Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 16 tháng 5 năm 2006, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.

9. *Luật sư thành viên* là người có Chứng chỉ hành nghề luật sư, có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, nộp hồ sơ gia nhập Đoàn Luật sư, được gia nhập Đoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm và được Liên đoàn cấp Thẻ luật sư.

10. *Người tập sự hành nghề luật sư* (gọi tắt là *người tập sự*) là người có đủ điều kiện theo quy định của Luật Luật sư, được một tổ chức hành nghề luật sư có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận tập sự và phân công luật sư có đủ điều kiện hướng dẫn tập sự, nộp hồ sơ đăng ký tập sự cho Đoàn Luật sư và được đăng ký tập sự theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

11. *Quy tắc* là từ viết tắt của Quy tắc Đạo đức và Ứng xử nghề nghiệp luật sư Việt Nam, được ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-HĐLSTQ ngày 20 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Luật sư toàn quốc.

12. *Tổ chức hành nghề luật sư* bao gồm tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, chi nhánh, văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, công ty luật nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi đầy đủ của Đoàn Luật sư là “**Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh**”.

2. Tên giao dịch quốc tế của Đoàn Luật sư là “**Ho Chi Minh City Bar Association**”, viết tắt là “**HCBA**”.

3. Trụ sở của Đoàn Luật sư đặt tại số 104 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

LUẬT SƯ THÀNH VIÊN, NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ, TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Mục 1

LUẬT SƯ THÀNH VIÊN

Điều 4. Tư cách luật sư thành viên Đoàn Luật sư

1. Tư cách luật sư thành viên Đoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày có quyết định gia nhập Đoàn Luật sư, chấm dứt khi bị xóa tên hoặc rút tên khỏi danh sách luật sư thành viên Đoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

2. Ban Chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định việc gia nhập, rút tên và xóa tên khỏi danh sách luật sư thành viên của Đoàn Luật sư theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về luật sư, Điều lệ và Nội quy này.

3. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ, Quy tắc, luật sư thành viên Đoàn Luật sư có các quyền và nghĩa vụ đối với Đoàn Luật sư theo quy định tại Nội quy này.

Điều 5. Danh sách luật sư thành viên

1. Luật sư thành viên Đoàn Luật sư được ghi tên vào danh sách luật sư thành viên Đoàn Luật sư được lập và lưu giữ tại trụ sở Đoàn Luật sư. Ban Chủ nhiệm quy định về hình thức, nội dung và cách thức công bố danh sách luật sư thành viên Đoàn Luật sư.

2. Luật sư thành viên Đoàn Luật sư có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Đoàn Luật sư thông tin hoặc việc thay đổi thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử của luật sư, tên và địa chỉ trụ sở tổ chức hành nghề luật sư, cơ quan hoặc tổ chức nơi làm việc của luật sư trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin để Đoàn Luật sư cập nhật vào danh sách luật sư thành viên Đoàn Luật sư.

Điều 6. Phí gia nhập Đoàn Luật sư và Phí thành viên

1. Khi gia nhập Đoàn Luật sư, người được gia nhập Đoàn Luật sư nộp một lần phí gia nhập cho Đoàn Luật sư. Mức phí gia nhập và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội nghị luật sư hoặc Nghị quyết Đại hội luật sư.

2. Luật sư thành viên nộp phí thành viên cho Đoàn Luật sư. Mức phí thành viên và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Luật sư toàn quốc.

3. Phí thành viên được tính kể từ ngày gia nhập Đoàn Luật sư. Phí thành viên được nộp hàng tháng hoặc hàng quý, có thể nộp trước nhiều tháng, nhiều quý trong năm hoặc cả năm. Trong mọi trường hợp, thời hạn nộp phí thành viên của mỗi quý chậm nhất là ngày cuối cùng của quý (31/3, 30/6, 30/9, 31/12).

4. Phí gia nhập và phí thành viên được nộp bằng tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng hoặc phương thức khác theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

5. Luật sư thành viên không nộp phí thành viên trong thời hạn quy định tại Khoản 3 Điều này thì bị xem là chậm nộp phí thành viên. Luật sư thành viên chậm nộp phí thành viên từ mười tám (18) tháng trở lên thì đương nhiên bị xóa tên khỏi danh sách luật sư thành viên của Đoàn Luật sư theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

Mục 2

NGƯỜI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 7. Tư cách người tập sự hành nghề luật sư

1. Tư cách người tập sự hành nghề luật sư (người tập sự) của Đoàn Luật sư được công nhận kể từ ngày Ban Chủ nhiệm ra quyết định về việc đăng ký tập sự hành nghề luật sư cho đến khi hoàn thành thời gian tập sự theo quy định được Ban Chủ nhiệm xác nhận, trừ trường hợp chấm dứt tập sự hoặc rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm tổ chức thực hiện và quyết định việc đăng ký tập sự, đăng ký thay đổi tổ chức hành nghề luật sư nhận tập sự, thay đổi luật sư hướng dẫn, xác nhận hoàn thành thời gian tập sự, tạm ngừng tập sự, chấm dứt tập sự và rút tên khỏi danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư theo trình tự, thủ tục quy định tại pháp luật về luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.

3. Người tập sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về luật sư, hướng dẫn của Liên đoàn và Nội quy này.

4. Người tập sự phải xác định rõ danh xưng của mình là người tập sự hành nghề luật sư; không được sử dụng danh xưng luật sư hoặc có hành vi gây nhầm lẫn người tập sự có tư cách luật sư trong quan hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức khi thực hiện các công việc có liên quan đến hoạt động hành nghề luật sư.

Điều 8. Danh sách người tập sự hành nghề luật sư

1. Người tập sự được ghi tên vào danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư được lập theo từng đợt và lưu giữ tại trụ sở Đoàn Luật sư. Ban Chủ nhiệm quy định về hình thức, nội dung danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

2. Người tập sự có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Đoàn Luật sư thông tin hoặc việc thay đổi thông tin về địa chỉ nơi cư trú, số điện thoại và địa chỉ hộp thư điện tử của người tập sự trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin để Đoàn Luật sư cập nhật vào danh sách người tập sự của Đoàn Luật sư.

Điều 9. Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư

1. Khi đăng ký tập sự hành nghề luật sư, người tập sự nộp một lần phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư cho Đoàn Luật sư. Mức phí và các trường hợp được miễn, giảm phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết Hội nghị luật sư hoặc Nghị quyết Đại hội luật sư.

2. Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư được nộp bằng tiền mặt, chuyển khoản ngân hàng hoặc phương thức khác theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

Mục 3

TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Điều 10. Quan hệ của Đoàn Luật sư với tổ chức hành nghề luật sư

1. Đoàn Luật sư phối hợp với các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện tốt chế độ tự quản của Đoàn Luật sư và tổ chức hành nghề luật sư đối với luật sư, hoạt động hành nghề luật sư theo quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ và Quy tắc.

2. Đoàn Luật sư thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Luật sư đối với các tổ chức hành nghề luật sư theo quy định pháp luật về luật sư, Điều lệ và Nội quy này.

3. Các tổ chức hành nghề luật sư thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với Đoàn Luật sư theo quy định pháp luật về luật sư.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Mục 1
ĐẠI HỘI LUẬT SƯ

Điều 11. Đại hội luật sư

1. Đại hội luật sư được tổ chức theo hình thức Đại hội đại biểu.
2. Căn cứ nguyên tắc phân bổ và tiêu chuẩn đại biểu quy định tại Điều lệ, Ban Chủ nhiệm quyết định về thành phần và số lượng đại biểu; thủ tục đăng ký, lập danh sách và triệu tập đại biểu tham dự Đại hội luật sư.
3. Đại biểu được triệu tập có trách nhiệm tham dự Đại hội. Trong trường hợp không tham dự mà không có lý do chính đáng và không thông báo trước, đại biểu được xem là từ bỏ tư cách đại biểu ở lần triệu tập tiếp theo của Đại hội nếu Đại hội chưa được tổ chức vì lý do không đủ số lượng đại biểu tham dự theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Điều lệ.

Điều 12. Hội nghị luật sư

1. Hội nghị luật sư được tổ chức theo hình thức Hội nghị đại biểu.
2. Căn cứ quy định của Điều lệ, Ban Chủ nhiệm quyết định về thời gian, nội dung và chương trình; thành phần và số lượng đại biểu; thủ tục đăng ký, lập danh sách và triệu tập đại biểu tham dự Hội nghị luật sư.
3. Đại biểu được triệu tập có trách nhiệm tham dự Hội nghị luật sư. Trong trường hợp không tham dự thì phải có lý do chính đáng và phải thông báo cho Đoàn Luật sư bằng văn bản chậm nhất một (1) ngày trước ngày tổ chức Hội nghị luật sư.
4. Trong trường hợp Hội nghị luật sư không có đủ số lượng đại biểu được triệu tập tham dự theo quy định tại Điều lệ để Hội nghị luật sư hợp lệ thì Ban Chủ nhiệm quyết định việc triệu tập Hội nghị luật sư lần thứ hai. Hội nghị luật sư triệu tập lần thứ hai hợp lệ không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự.

Mục 2
BAN CHỦ NHIỆM

Điều 13. Cơ cấu thành viên Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm có không quá mười lăm (15) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Ban Chủ nhiệm do Đại hội luật sư quyết định căn cứ Phương án nhân sự bầu vào các cơ quan của Đoàn Luật sư được trình Đại hội.

2. Thành viên Ban Chủ nhiệm gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm và các Ủy viên.

3. Số lượng Phó Chủ nhiệm không quá một phần ba (1/3) số lượng thành viên Ban Chủ nhiệm. Số lượng cụ thể Phó Chủ nhiệm do Ban Chủ nhiệm quyết định căn cứ Phương án nhân sự bầu vào các cơ quan của Đoàn Luật sư được trình Đại hội luật sư.

4. Ban Chủ nhiệm bầu Phó Chủ nhiệm trong số các thành viên Ban Chủ nhiệm theo giới thiệu của Chủ nhiệm. Thủ tục bầu Phó Chủ nhiệm được áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Điều lệ.

Điều 14. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ và Nội quy này.

2. Ban Chủ nhiệm hoạt động theo sự phân công và điều hành của Chủ nhiệm. Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm.

3. Thành viên Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm sau đây:

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chủ nhiệm;

b) Tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm;

c) Gương mẫu chấp hành và thực hiện các nghị quyết của Đại hội luật sư, Hội nghị luật sư, nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

d) Hoàn thành tốt những nhiệm vụ, công việc do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

4. Thành viên Ban Chủ nhiệm bình đẳng trong thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chủ nhiệm; chịu trách nhiệm về ý kiến và biểu quyết của mình; có quyền bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với quyết định của Ban Chủ nhiệm, nhưng phải chấp hành quyết định của Ban Chủ nhiệm.

5. Thành viên Ban Chủ nhiệm vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc Nội quy này thì tùy theo mức độ có thể bị Ban Chủ nhiệm nhắc nhở bằng văn bản hoặc tạm đình chỉ tư cách thành viên Ban Chủ nhiệm theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 của Nội quy này, bị bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 6, 7 Điều 21 của Điều lệ.

Điều 15. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Chủ nhiệm

1. Chủ nhiệm phân công, điều hành hoạt động của Ban Chủ nhiệm và chỉ đạo giải quyết các công việc thường xuyên của Đoàn Luật sư trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Luật sư, Điều lệ và Nội quy này.

2. Chủ nhiệm là đại diện theo pháp luật của Đoàn Luật sư và là chủ tài khoản của Đoàn Luật sư.

3. Chủ nhiệm trực tiếp phụ trách hoặc phân công Phó Chủ nhiệm phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác, một hoặc một số đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư; phân công, bổ nhiệm thành viên khác của Ban Chủ nhiệm, cá nhân khác điều hành, tham gia các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư.

4. Chủ nhiệm trực tiếp chủ trì giải quyết hoặc phân công thành viên khác của Ban Chủ nhiệm, cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư chủ trì, phối hợp giải quyết các công việc của Đoàn Luật sư.

5. Chủ nhiệm chịu trách nhiệm cá nhân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm; cùng các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban Chủ nhiệm trước Đại hội luật sư và trước pháp luật.

Điều 16. Phạm vi, trách nhiệm giải quyết công việc của Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm

1. Phó Chủ nhiệm giúp Chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

2. Ủy viên Ban Chủ nhiệm thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm phân công.

3. Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ, công việc được phân công; cùng các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ban Chủ nhiệm trước Đại hội luật sư và trước pháp luật.

Điều 17. Hình thức hoạt động của Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm hoạt động chủ yếu thông qua các cuộc họp Ban Chủ nhiệm được tổ chức tại trụ sở Đoàn Luật sư.

2. Ban Chủ nhiệm còn có thể hoạt động bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến các thành viên Ban Chủ nhiệm.

Điều 18. Cuộc họp Ban Chủ nhiệm

1. Chủ nhiệm quyết định cụ thể thời gian, chương trình, nội dung cuộc họp Ban Chủ nhiệm. Các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm có thể đề xuất bổ sung, điều chỉnh chương trình, nội dung cuộc họp và việc bổ sung, điều chỉnh được thực hiện theo quyết định của Chủ nhiệm hoặc Ban Chủ nhiệm.

2. Thành viên Ban Chủ nhiệm vắng mặt tại cuộc họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ nhiệm.

3. Chủ nhiệm chủ tọa cuộc họp Ban Chủ nhiệm. Khi Chủ nhiệm vắng mặt, một Phó Chủ nhiệm được Chủ nhiệm phân công chủ tọa cuộc họp. Chủ nhiệm hoặc Phó Chủ nhiệm theo phân công của Chủ nhiệm chủ trì việc thảo luận từng nội dung tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm.

4. Ban Chủ nhiệm có thể họp mở rộng với sự tham gia của người không phải là thành viên Ban Chủ nhiệm nhưng có liên quan đến công việc mà Ban Chủ nhiệm giải quyết. Chủ nhiệm quyết định thành phần mở rộng cụ thể của cuộc họp Ban Chủ nhiệm mở rộng. Người không phải là thành viên Ban Chủ nhiệm tham gia cuộc họp Ban Chủ nhiệm mở rộng không có quyền biểu quyết.

5. Chủ nhiệm quyết định những tài liệu lưu hành tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm.

6. Các cuộc họp Ban Chủ nhiệm phải được ghi biên bản. Biên bản phải ghi đầy đủ diễn biến của cuộc họp, nội dung các ý kiến phát biểu, ý kiến kết luận của chủ tọa cuộc họp hoặc kết quả biểu quyết.

7. Nghị quyết, quyết định, biên bản, các tài liệu khác của mỗi cuộc họp Ban Chủ nhiệm được lưu trữ tại trụ sở Đoàn Luật sư.

Điều 19. Biểu quyết tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm

1. Ban Chủ nhiệm quyết định các vấn đề tại cuộc họp bằng hình thức biểu quyết. Thành viên Ban Chủ nhiệm có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, Ban Chủ nhiệm quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau đây:

- a) Biểu quyết công khai;
- b) Bỏ phiếu kín.

Điều 20. Biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến

1. Trừ trường hợp có quy định khác, đối với một số vấn đề do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm quyết định việc biểu quyết của thành viên Ban Chủ nhiệm bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến qua đường bưu chính hoặc thư điện tử.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, quyết định của Ban Chủ nhiệm theo hình thức gửi phiếu ghi ý kiến được thông qua khi có biểu quyết tán thành của trên một phần hai (1/2) số thành viên Ban Chủ nhiệm gửi phiếu ghi ý kiến hợp lệ, với điều kiện số thành viên Ban Chủ nhiệm gửi phiếu ghi ý kiến hợp lệ chiếm ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Chủ nhiệm.

3. Chủ nhiệm thông báo kết quả biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến tại cuộc họp Ban Chủ nhiệm gần nhất.

Mục 3

HỘI ĐỒNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Chức năng của Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật

Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật (HĐKTKL) thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ban Chủ nhiệm về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Đoàn Luật sư; chức năng chuyên trách xem xét, xác minh, kết luận, đề xuất khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nội quy này.

Điều 22. Cơ cấu thành viên Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật

1. HĐKTKL có không quá chín (9) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên HĐKTKL do Đại hội luật sư quyết định căn cứ Phương án nhân sự bầu vào các cơ quan của Đoàn Luật sư được trình Đại hội luật sư.

2. Thành viên HĐKTKL gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

3. Số lượng Phó Chủ tịch HĐKTKL không quá một phần ba (1/3) số lượng thành viên HĐKTKL.

4. HĐKTKL bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch trong số các thành viên HĐKTKL theo giới thiệu của Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tại cuộc họp của HĐKTKL do Chủ nhiệm chủ trì. Thủ tục bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐKTKL được áp dụng theo quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Điều lệ.

Điều 23. Phạm vi công việc và chế độ trách nhiệm của Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật

1. HĐKTKL giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo

quy định của Luật Luật sư, Điều lệ và Nội quy này.

2. HĐKTKL có trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:

a) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 của Điều lệ;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo của Đoàn Luật sư theo định kỳ hàng năm trình Ban Chủ nhiệm phê duyệt; tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt theo phân công của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

c) Đề xuất chủ trương, chủ trì soạn thảo và trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các văn bản quy định, hướng dẫn, tổ chức thực hiện về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

d) Đề xuất chủ trương, chủ trì soạn thảo và trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các văn bản đề xuất, kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Liên đoàn về việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, quy định và hướng dẫn của Liên đoàn về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

đ) Trình Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm dự thảo các quyết định và văn bản hành chính khác về công tác khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ban hành của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tiến độ giải quyết công việc, tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao với Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

g) Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐKTKL;

h) Thực hiện công việc khác do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm giao theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐKTKL.

3. Chủ tịch HĐKTKL điều hành hoạt động của HĐKTKL; phân công nhiệm vụ, công việc cụ thể cho các thành viên khác của HĐKTKL thực hiện; trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể của HĐKTKL.

4. Phó Chủ tịch HĐKTKL giúp Chủ tịch HĐKTKL điều hành hoạt động của HĐKTKL; thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được HĐKTKL, Chủ tịch HĐKTKL phân công.

5. Ủy viên HĐKTKL thực hiện các nhiệm vụ, công việc cụ thể được HĐKTKL, Chủ tịch HĐKTKL phân công.

6. Các thành viên HĐKTKL chịu trách nhiệm tập thể trước Đại hội luật sư, trước Ban Chủ nhiệm và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐKTKL; chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐKTKL về nhiệm vụ, công việc cụ thể được phân công.

7. Thành viên HĐKTKL có trách nhiệm sau đây:

a) Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐKTKL;

b) Tham gia thảo luận và biểu quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐKTKL;

c) Gương mẫu chấp hành và thực hiện các nghị quyết của Đại hội luật sư, Hội nghị luật sư, nghị quyết, quyết định của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, HĐKTKL;

d) Hoàn thành tốt những nhiệm vụ, công việc do Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm, HĐKTKL, Chủ tịch HĐKTKL phân công.

8. Thành viên HĐKTKL bình đẳng trong thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐKTKL; chịu trách nhiệm về ý kiến và biểu quyết của mình; có quyền bảo lưu ý kiến trong trường hợp có ý kiến khác với quyết định của HĐKTKL, nhưng phải chấp hành quyết định của HĐKTKL.

9. Thành viên HĐKTKL vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc Nội quy này thì tùy theo mức độ có thể bị Ban Chủ nhiệm nhắc nhở bằng văn bản hoặc tạm đình chỉ tư cách thành viên HĐKTKL theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 của Nội quy này, bị bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 của Điều lệ.

Điều 24. Hình thức giải quyết công việc của Hội đồng Khen thưởng, Kỷ luật

1. Tùy theo tính chất, các công việc của HĐKTKL được thực hiện thông qua thảo luận, biểu quyết tập thể HĐKTKL, hoặc được phân công cho thành viên HĐKTKL phụ trách giải quyết, xử lý.

2. HĐKTKL thảo luận, biểu quyết tập thể đối với các vấn đề sau:

a) Xem xét, kết luận và đề xuất khen thưởng;

b) Xem xét, kết luận và đề xuất xử lý kỷ luật;

c) Các vấn đề khác mà theo quy định phải do tập thể HĐKTKL thảo luận, biểu quyết.

3. Đối với các công việc thuộc phạm vi các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều này, trừ trường hợp có quy định phải được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp, phiên họp HĐKTKL, Chủ tịch HĐKTKL quyết định tổ chức cuộc họp

HĐKTKL hoặc áp dụng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến qua đường bưu chính hoặc thư điện tử để biểu quyết thông qua nếu do yêu cầu cấp bách hoặc không nhất thiết phải tổ chức thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp HĐKTKL. Thủ tục biểu quyết bằng hình thức gửi phiếu ghi ý kiến áp dụng theo quy định tại Điều 20 của Nội quy này.

4. Đối với các công việc không thuộc phạm vi các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều này thì Chủ tịch HĐKTKL trực tiếp phụ trách hoặc phân công cho thành viên khác của HĐKTKL phụ trách giải quyết, xử lý. Thành viên của HĐKTKL được phân công có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ, kết quả công việc cho Chủ tịch HĐKTKL. Chủ tịch HĐKTKL có thể tham khảo ý kiến các thành viên khác của HĐKTKL tại cuộc họp HĐKTKL hoặc bằng văn bản qua đường bưu chính hoặc thư điện tử.

Mục 4

CÁC ĐƠN VỊ CHUYÊN MÔN, TRỰC THUỘC CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 25. Vị trí và chức năng của các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư

1. Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư (được gọi chung là *đơn vị chuyên môn, trực thuộc*) là các đơn vị thuộc Đoàn Luật sư, có chức năng tham mưu, giúp Ban Chủ nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nội quy này và theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm.

2. Việc tổ chức Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư phải bảo đảm phù hợp yêu cầu thực tế của công việc, tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả và không trùng lặp trong hoạt động của các đơn vị.

Điều 26. Văn phòng Đoàn Luật sư

1. Văn phòng Đoàn Luật sư có chức năng tham mưu tổng hợp, giúp Ban Chủ nhiệm thực hiện các công tác sau đây:

- a) Công tác hành chính, văn thư, thống kê, lưu trữ;
- b) Công tác thông tin về hoạt động của Đoàn Luật sư;
- c) Công tác quản trị nhân sự đối với nhân sự làm việc tại Văn phòng theo chế độ hợp đồng lao động;
- d) Công tác kế toán, tài chính;
- đ) Công tác quản lý cơ sở vật chất, tài sản của Đoàn Luật sư;

e) Công tác đảm bảo cơ sở vật chất, hậu cần và các điều kiện khác phục vụ cho tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư;

g) Công tác phối hợp hoạt động với các cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư;

h) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm.

2. Văn phòng Đoàn Luật sư có Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, chuyên viên và nhân viên Văn phòng.

3. Ban Chủ nhiệm quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Văn phòng Đoàn luật sư.

Điều 27. Các Ban chuyên môn của Đoàn Luật sư

1. Các Ban chuyên môn của Đoàn Luật sư gồm có:

a) Ban Bảo vệ quyền lợi của luật sư;

b) Ban Đào tạo và Bồi dưỡng;

c) Ban Hoạt động xã hội và Phong trào;

d) Ban Quan hệ quốc tế;

đ) Ban Trợ giúp pháp lý;

e) Ban Xây dựng và Phổ biến pháp luật;

g) Các Ban chuyên môn khác theo quyết định của Ban Chủ nhiệm.

2. Ban chuyên môn có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên.

3. Ban Chủ nhiệm quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các Ban chuyên môn; quyết định về việc tách, nhập, bổ sung chức năng và thay đổi tên gọi của các Ban chuyên môn phù hợp với chức năng hoạt động của mỗi Ban.

Điều 28. Đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư

1. Căn cứ yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư, quy định pháp luật, Điều lệ và Nội quy này, Đoàn Luật sư thành lập các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư.

2. Trừ trường hợp có quy định khác, Ban Chủ nhiệm quyết định việc thành lập, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư.

3. Việc thành lập các đơn vị trực thuộc của Đoàn Luật sư có tư cách pháp nhân thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 29. Phạm vi, trách nhiệm, quy trình giải quyết công việc của các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư

1. Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư hoạt động và giải quyết các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi đơn vị theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nội quy này, quy chế tổ chức và hoạt động của mỗi đơn vị, các quy chế, quy định và hướng dẫn có liên quan do Ban Chủ nhiệm ban hành và theo sự quản lý, chỉ đạo, điều phối của Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách lĩnh vực liên quan.

2. Quy trình, thủ tục giải quyết công việc trong nội bộ Văn phòng Đoàn Luật sư, các Ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc khác của Đoàn Luật sư được thực hiện theo các quy chế, quy định và hướng dẫn có liên quan do Ban Chủ nhiệm ban hành.

Mục 5

MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, TẠM ĐÌNH CHỈ CÁC CHỨC DANH ĐƯỢC BẦU, ĐƯỢC BỔ NHIỆM CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên Ban Chủ nhiệm, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐKTKL được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Khoản 5, 6, Điểm a, b, c Khoản 7 Điều 21 của Điều lệ.

2. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm (trừ các trường hợp đương nhiên miễn nhiệm, bãi nhiệm) Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, thành viên Ban Chủ nhiệm, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên HĐKTKL do cơ quan có thẩm quyền bầu các chức danh này quyết định theo thủ tục quy định tại Khoản 7 Điều 21 của Điều lệ.

3. Cá nhân được bổ nhiệm giữ các chức danh, tham gia trong các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư được miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Kết thúc thời hạn bổ nhiệm quy định trong quyết định bổ nhiệm;
- b) Kết thúc nhiệm kỳ của Ban Chủ nhiệm;
- c) Không thực hiện hoặc thường xuyên không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, công việc được phân công, sau khi đã được nhắc nhở và yêu cầu khắc phục;

d) Thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 5 Điều 21 của Điều lệ.

4. Cá nhân được bổ nhiệm giữ các chức danh, tham gia các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư bị bãi nhiệm khi:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản 6 Điều 21 của Điều lệ;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 7, Điều 21 của Điều lệ.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điểm c, d Khoản 3 và Điểm b Khoản 4 Điều này do cơ quan hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định.

6. Việc xử lý đối với cá nhân được bổ nhiệm nhưng làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 31. Tạm đình chỉ tư cách thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HĐKTKL

1. Trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội luật sư, Ban Chủ nhiệm có quyền quyết định tạm đình chỉ tư cách thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HĐKTKL đối với luật sư thuộc một trong các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm quy định tại các Khoản 5 và 7 Điều 21, Khoản 5 Điều 22 của Điều lệ. Quyết định của Ban Chủ nhiệm được thông qua khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Chủ nhiệm có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành.

2. Quy định tại Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp tạm đình chỉ tư cách Chủ nhiệm theo quy định tại Khoản 8 Điều 21 của Điều lệ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BAN HÀNH VĂN BẢN, THÔNG TIN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 32. Soạn thảo và ban hành văn bản của Đoàn Luật sư

1. Văn bản của Đoàn Luật sư gồm có:

a) Nghị quyết và các văn bản khác của Đại hội luật sư;

b) Nghị quyết và các văn bản khác của Hội nghị luật sư;

c) Nghị quyết của Ban Chủ nhiệm;

d) Quyết định, quy chế, quy định, thông báo, hướng dẫn, kế hoạch, phương án, đề án, báo cáo, biên bản, tờ trình, công văn, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận nguyên tắc, hợp đồng, giấy chứng nhận, giấy ủy quyền, thư triệu tập, thư mời,

giấy giới thiệu, giấy biên nhận hồ sơ, phiếu gửi, phiếu chuyển và các văn bản khác của Ban Chủ nhiệm, Chủ nhiệm;

e) Nghị quyết, quyết định, biên bản của HĐKTKL được ban hành để thực hiện thẩm quyền riêng về tổ chức của HĐKTKL theo quy định tại Điều lệ và Nội quy này; thông báo, giấy triệu tập, giấy mời, biên bản, tờ trình và các văn bản khác của HĐKTKL thuộc trình tự, thủ tục khen thưởng, kỷ luật được quy định tại Điều lệ, Nội quy này và các quy chế, quy định khen thưởng, kỷ luật có liên quan của Liên đoàn và Đoàn luật sư.

2. Các văn bản của Đoàn Luật sư có nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị chuyên môn, trực thuộc nào thì cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ soạn thảo. Đối với những văn bản mà nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hai hay nhiều cơ quan, đơn vị thì Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm phụ trách điều phối để các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp soạn thảo, nếu cần thiết thì lập tổ soạn thảo. Đối với những văn bản quan trọng thì Chủ nhiệm quyết định thành lập Ban soạn thảo do Chủ nhiệm hoặc một Phó Chủ nhiệm làm Trưởng ban.

3. Việc ký ban hành các văn bản của Đoàn Luật sư thực hiện như sau:

a) Chủ tịch đoàn chủ tịch Đại hội luật sư thay mặt Đại hội luật sư ký các văn bản quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Chủ nhiệm thay mặt Hội nghị luật sư ký các văn bản quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này;

c) Chủ nhiệm thay mặt Ban Chủ nhiệm ký ban hành các văn bản quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này, các văn bản quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này về những vấn đề quan trọng mà theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Nội quy này phải được Ban Chủ nhiệm thảo luận và biểu quyết tập thể; ký ban hành các văn bản khác quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

d) Phó Chủ nhiệm ký thay Chủ nhiệm đối với các văn bản quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này khi được Chủ nhiệm ủy quyền;

đ) Chủ tịch HĐKTKL thay mặt HĐKTKL ký ban hành các văn bản quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này. Phó Chủ tịch HĐKTKL ký thay Chủ tịch HĐKTKL khi được Chủ tịch HĐKTKL ủy quyền;

e) Chủ nhiệm có thể ủy quyền cho Ủy viên Ban Chủ nhiệm, Chủ tịch HĐKTKL, người đứng đầu đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư ký thừa ủy quyền một số văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ nhiệm liên quan đến nhiệm vụ của người được ủy quyền.

g) Chủ nhiệm có thể giao cho Chánh Văn phòng hoặc người đứng đầu đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư ký thừa lệnh một số loại văn bản của

Đoàn luật sư để thực hiện một số nhiệm vụ hành chính thường xuyên của Văn phòng hoặc đơn vị chuyên môn, trực thuộc.

4. Văn bản của Đoàn Luật sư được phát hành qua Văn phòng Đoàn Luật sư và vào sổ, lưu trữ tại Văn phòng Đoàn Luật sư.

Điều 33. Quản lý và sử dụng con dấu

1. Con dấu Đoàn Luật sư thể hiện vị trí pháp lý của Đoàn Luật sư và khẳng định giá trị pháp lý đối với các văn bản của Đoàn Luật sư.

2. Con dấu được giữ và bảo quản tại trụ sở Đoàn Luật sư. Trường hợp cần thiết phải đem con dấu ra bên ngoài trụ sở Đoàn Luật sư phải được sự đồng ý để giải quyết công việc của người có trách nhiệm quản lý con dấu.

3. Chỉ những văn bản của Đoàn Luật sư được ký ban hành theo đúng quy định tại Điều 32 mới được đóng dấu Đoàn Luật sư.

4. Căn cứ quy định pháp luật có liên quan và Nội quy này, Ban Chủ nhiệm ban hành quy chế quản lý và sử dụng con dấu Đoàn Luật sư.

Điều 34. Chế độ thông tin

1. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư là người chịu trách nhiệm về việc phổ biến thông tin, văn bản về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư. Chỉ có Chủ nhiệm hoặc người được Chủ nhiệm ủy quyền mới có quyền phát ngôn nhân danh Đoàn Luật sư.

2. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HĐKTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư có trách nhiệm bảo quản và không tự ý công bố, phát tán các thông tin, tài liệu về tổ chức, hoạt động của Đoàn Luật sư.

3. Thành viên Ban Chủ nhiệm, thành viên HĐKTKL, cá nhân khác được phân công, bổ nhiệm giữ các chức danh trong các đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn Luật sư khi phát biểu về bất kỳ vấn đề nào ngoài phạm vi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình chỉ dùng danh nghĩa cá nhân, không gắn với chức danh được bầu hoặc được bổ nhiệm.

4. Đoàn Luật sư lập và duy trì trang thông tin điện tử (website) để cập nhật, phổ biến thông tin, văn bản về hoạt động của Đoàn Luật sư. Trừ trường hợp có quy định khác, việc công bố, thông báo thông tin, văn bản của Đoàn Luật sư chung đến luật sư thành viên, người tập sự, tổ chức hành nghề luật sư được thực hiện trên trang thông tin điện tử (website) của Đoàn Luật sư.

Chương V

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA ĐOÀN LUẬT SƯ

Điều 35. Nguyên tắc quản lý tài chính và tài sản

1. Đảm bảo tự chủ về tài chính, tự trang trải bằng nguồn thu chủ yếu từ phí thành viên và các nguồn thu hợp pháp khác.
2. Tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Nội quy này và các quy chế, quy định có liên quan của Đoàn Luật sư.
3. Đảm bảo thực hiện tốt các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn Luật sư.
4. Thực hiện công khai, minh bạch.
5. Đúng mục đích, đúng định mức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đạt hiệu quả cao.

Điều 36. Các khoản thu của Đoàn Luật sư

1. Nguồn thu chủ yếu, thường xuyên gồm có:

- a) Phí thành viên;
- b) Phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư;
- c) Phí gia nhập Đoàn Luật sư.

2. Nguồn thu không thường xuyên gồm có:

- a) Các khoản đóng góp tự nguyện của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;
- b) Các khoản thu từ hoạt động của Đoàn Luật sư;
- c) Các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- d) Các khoản tài trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước;
- đ) Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 37. Các khoản chi của Đoàn Luật sư

1. Chi các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Luật sư.
2. Chi tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản trích nộp theo lương, khen thưởng, phúc lợi tập thể cho người lao động làm việc tại Văn phòng Đoàn Luật sư.
3. Chi hoạt động thường xuyên của Văn phòng Đoàn luật sư, gồm có:
 - a) Chi dịch vụ công cộng (điện, nước, vệ sinh môi trường...);
 - b) Chi vật tư văn phòng (văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ văn phòng...);
 - c) Chi thông tin, liên lạc (điện thoại, bưu chính, báo chí...);
 - d) Chi phí dịch vụ thuê ngoài (dịch vụ bảo vệ, dịch vụ khác...);

đ) Các khoản chi hoạt động thường xuyên khác.

4. Tiền thuê trụ sở (nếu có).

5. Chi xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị làm việc; chi bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị.

6. Chi tổ chức đại hội, hội nghị, hội thảo...

7. Chi công tác phí, chi phí giao dịch, tiếp khách.

8. Chi công tác khen thưởng, chi ngày lễ tết, việc hiếu, hỷ, chi hỗ trợ, thăm hỏi ốm đau, chi hoạt động kỷ niệm, chúc mừng.

9. Chi hỗ trợ hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể của Đoàn Luật sư.

10. Các khoản chi hợp lý khác.

Điều 38. Phân bổ các nguồn thu và chi của Đoàn Luật sư

1. Việc quyết định các khoản chi phải trên cơ sở đảm bảo cân đối nguồn thu tương ứng với nhu cầu chi của Đoàn Luật sư.

2. Đối với nguồn thu chủ yếu, thường xuyên (phí thành viên, phí đăng ký tập sự hành nghề luật sư, phí gia nhập Đoàn Luật sư): Thực hiện phân bổ chi cho các hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đoàn Luật sư, hoạt động thường xuyên của Văn phòng Đoàn Luật sư và các khoản chi khác quy định tại Điều 37.

3. Đối với nguồn thu từ các hoạt động của Đoàn Luật sư: Thực hiện phân bổ chi trực tiếp cho các hoạt động có nguồn thu theo nguyên tắc lấy thu bù chi, chênh lệch thiếu được bù đắp từ nguồn thu thường xuyên.

4. Đối với nguồn thu các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: Thực hiện phân bổ chi theo đúng mục đích và dự toán được phê duyệt theo quy định pháp luật có liên quan.

5. Đối với nguồn thu từ các khoản đóng góp tự nguyện của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước: Thực hiện phân bổ chi trực tiếp theo đúng mục đích của các hoạt động do Đoàn Luật sư tổ chức được đóng góp, tài trợ. Chênh lệch thiếu được bù đắp từ nguồn thu thường xuyên.

Điều 39. Định mức, trình tự, thủ tục thu chi của Đoàn Luật sư

1. Định mức các khoản chi của Đoàn Luật sư được áp dụng theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có) và được quy định cụ thể trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

2. Các khoản thu, chi có tính chất thường xuyên cho hoạt động của Đoàn Luật sư được thực hiện trên cơ sở kế hoạch tài chính hàng năm của Đoàn Luật sư. Các khoản thu, chi không thường xuyên phát sinh trong năm được thực hiện theo dự toán được duyệt theo từng lần khi phát sinh. Các khoản thu, chi phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Cấp có thẩm quyền duyệt chi của Đoàn Luật sư gồm có: Phó Chủ nhiệm phụ trách tài chính, Chủ nhiệm và Ban Chủ nhiệm. Thẩm quyền duyệt chi của từng cấp được quy định cụ thể trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

4. Hàng năm, Ban Chủ nhiệm chịu trách nhiệm lập và công khai báo cáo tài chính của Đoàn Luật sư tại Hội nghị luật sư.

5. Các vấn đề cụ thể về việc quản lý tài chính của Đoàn Luật sư được quy định trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

Điều 40. Quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư

1. Tài sản quy định trong Nội quy này được hiểu là tài sản do Nhà nước giao cho Đoàn Luật sư quản lý sử dụng, do đầu tư xây dựng, mua sắm từ các nguồn thu của Đoàn Luật sư, do Đoàn Luật sư đi thuê, hoặc do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước biếu, tặng, đóng góp... bao gồm:

a) Trụ sở Đoàn Luật sư, gồm nhà làm việc và các công trình phụ trợ, hệ thống kỹ thuật hạ tầng;

b) Trang thiết bị làm việc và phục vụ hoạt động tại trụ sở Đoàn Luật sư;

c) Các tài sản vật chất vô hình mà việc sử dụng phải chi trả bằng tiền như: điện, nước, điện thoại, internet, phần mềm tin học...

2. Tài sản được quản lý thống nhất, có sự phân công trách nhiệm giữa đơn vị chịu trách nhiệm quản trị chung là Văn phòng Đoàn Luật sư với các đơn vị, cá nhân được giao trực tiếp sử dụng tài sản.

3. Tài sản được đầu tư, trang bị, sử dụng đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm; được bảo dưỡng, sửa chữa và bảo vệ theo chế độ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định.

4. Việc xác định giá trị tài sản trong các quan hệ mua, bán, thanh lý được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Các vấn đề cụ thể về việc quản lý, sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư được quy định trong quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Mục 1

KHEN THƯỞNG

Điều 41. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng

1. Đoàn Luật sư khen thưởng bằng hình thức Giấy khen của Đoàn Luật sư cho các tổ chức, tập thể, cá nhân sau đây:

a) Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư có thành tích trong hoạt động hành nghề luật sư, có nhiều đóng góp trong hoạt động của Đoàn Luật sư;

b) Đơn vị chuyên môn, trực thuộc của Đoàn luật sư, người tập sự hành nghề luật sư, tổ chức, cá nhân khác có nhiều đóng góp trong hoạt động của Đoàn Luật sư.

2. Việc khen thưởng được thực hiện theo định kỳ (hàng năm, theo nhiệm kỳ của Đoàn Luật sư) hoặc đột xuất tại thời điểm bất kỳ trong năm.

Điều 42. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị Đoàn Luật sư khen thưởng gồm có:

a) Tờ trình đề nghị xét khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng;

c) Các tài liệu có liên quan (nếu có).

2. Các văn bản quy định tại Điểm a và b Khoản 1 Điều này do đơn vị chuyên môn, trực thuộc có liên quan của Đoàn Luật sư đề nghị xét khen thưởng hoặc tổ chức, tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng lập.

3. Hồ sơ đề nghị Đoàn Luật sư khen thưởng hàng năm được nộp chậm nhất ngày 30/11 hàng năm.

Điều 43. Quy trình xét khen thưởng

1. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng, HĐKTKL tổ chức xem xét, đánh giá, biểu quyết thông qua và đề xuất Ban Chủ nhiệm quyết định khen thưởng.

2. Căn cứ đề xuất của HĐKTKL, Ban Chủ nhiệm xem xét, quyết định khen thưởng.

Điều 44. Kinh phí khen thưởng

1. Kinh phí cho công tác khen thưởng là một trong các khoản chi của Đoàn Luật sư theo kế hoạch tài chính hàng năm. Việc thực hiện chi kinh phí cho công

tác khen thưởng được thực hiện theo quy chế quản lý tài chính, quản lý sử dụng tài sản của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

2. Mức thưởng cụ thể bằng tiền kèm theo hình thức khen thưởng của Đoàn Luật sư được thực hiện theo quyết định của Ban Chủ nhiệm căn cứ các quy định có liên quan.

Điều 45. Đề nghị Liên đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng

Đoàn Luật sư đề nghị Liên đoàn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với tổ chức, tập thể, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 34 của Nội quy này theo các quy định về hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng theo pháp luật thi đua, khen thưởng, Điều lệ, quy định có liên quan của Liên đoàn và Nội quy này.

Mục 2

KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 46. Kỷ luật đối với luật sư, người tập sự

1. Đoàn Luật sư xem xét xử lý kỷ luật đối với luật sư thành viên, người tập sự của Đoàn Luật sư vi phạm quy định của pháp luật về luật sư, Điều lệ, Quy tắc, Nội quy, các quy định của Liên đoàn, Đoàn Luật sư bằng các hình thức kỷ luật quy định tại pháp luật về luật sư và Điều lệ.

2. Việc xử lý kỷ luật đối với luật sư thành viên, người tập sự được thực hiện theo quy định xử lý kỷ luật luật sư, người tập sự do Liên đoàn ban hành, Nội quy này và các quy định khác của Đoàn Luật sư do Ban Chủ nhiệm ban hành.

3. Trong quá trình xem xét xử lý kỷ luật luật sư, người tập sự, Đoàn Luật sư có thể quyết định việc lưu ý, nhắc nhở bằng văn bản đối với luật sư, người tập sự có vi phạm nhưng chưa đến mức độ áp dụng hình thức kỷ luật.

Điều 47. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Đoàn Luật sư tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với luật sư, người tập sự, tổ chức hành nghề luật sư, cá nhân giữ các chức danh trong các cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc của Đoàn Luật sư trong phạm vi thẩm quyền và theo thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của Đoàn Luật sư quy định tại pháp luật về luật sư, Điều lệ, quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo do Liên đoàn ban hành và Nội quy này.

2. Đoàn Luật sư không thụ lý giải quyết khiếu nại, tố cáo về hành vi của người bị khiếu nại, tố cáo không liên quan đến các hoạt động của Đoàn Luật sư, hoạt động hành nghề luật sư hoặc hoạt động tập sự hành nghề luật sư.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành

1. Nội quy này gồm 7 chương 49 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đại biểu bất thường của Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua.

2. Ban Chủ nhiệm có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Nội quy này.

Điều 49. Sửa đổi, bổ sung Nội quy

1. Chỉ có Đại hội luật sư mới có quyền sửa đổi, bổ sung Nội quy này. Việc sửa đổi, bổ sung Nội quy này được thông qua khi có trên một phần hai (1/2) số đại biểu có mặt tại Đại hội luật sư biểu quyết tán thành.

2. Trường hợp có sự thay đổi của pháp luật hoặc Điều lệ làm cho Nội quy này trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ thì phải tiến hành sửa đổi Nội quy cho phù hợp. Trong thời gian chưa sửa đổi Nội quy thì đương nhiên thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ./.

Nội quy này, đã được Đại hội đại biểu bất thường Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2016./.



Luật sư Nguyễn Văn Trung